

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU
Số: 06/2013/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bạc Liêu, ngày 19 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT
Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2011/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh
“về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước
năm 2010 tỉnh Bạc Liêu”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2011/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ tư “về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2010 tỉnh Bạc Liêu”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân và ý kiến Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2011/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ tư “về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2010 tỉnh Bạc Liêu” như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 3.511.497 triệu đồng (ba ngàn năm trăm mười một tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng), trong đó, thu ngân sách địa phương: 3.505.998 triệu đồng.

a) Tổng các khoản thu cân đối ngân sách trên địa bàn: 2.969.275 triệu đồng (hai ngàn chín trăm sáu mươi chín tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), trong đó, thu ngân sách địa phương: 2.963.776 triệu đồng.

b) Tổng thu trong kế hoạch ngân sách Nhà nước: 774.414 triệu đồng (bảy trăm bảy mươi bốn tỷ, bốn trăm mười bốn triệu đồng), trong đó, thu trong dự toán địa phương: 768.915 triệu đồng.

(Chi tiết các khoản thu theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Tổng quyết toán chi ngân sách trên địa bàn: 3.232.504 triệu đồng (ba ngàn hai trăm ba mươi hai tỷ, năm trăm lẻ bốn triệu đồng), trong đó, tổng chi ngân sách địa phương trong kế hoạch ngân sách: 2.684.010 triệu đồng (hai ngàn sáu trăm tám mươi bốn tỷ, không trăm mười triệu đồng).

(Chi tiết các nội dung chi theo Phụ lục số 02 đính kèm)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh lập thủ tục báo cáo điều chỉnh quyết toán với Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Các nội dung khác không nêu tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 12/2011/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa VIII, kỳ họp thứ tư “về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2010 tỉnh Bạc Liêu”.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa VIII, kỳ họp thứ bảy thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo (đăng Công báo);
- Lưu (NH).

CHỦ TỊCH



Võ Văn Dũng



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 01
**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2010 TỈNH BẠC LIÊU**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND
ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NGHỊ QUYẾT HĐND	QUYẾT TOÁN NĂM 2010	SO SÁNH (%)	
				QT/KH	QT NĂM 2009
1	2	3	4	5=4/3	6
	TỔNG QUYẾT TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2,116,937	3,511,497	165.88	109.37
	Trong đó : Thu ngân sách địa phương	2,116,937	3,505,998	165.62	109.38
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN:	1,776,937	2,969,275	167.10	116.01
	Trong đó : Thu ngân sách địa phương	1,775,937	2,963,776	166.89	115.97
I	Tổng thu trong kế hoạch ngân sách Nhà nước:	630,000	774,414	122.92	114.51
	Trong đó : Thu trong dự toán ngân sách địa phương	629,000	768,915	122.24	114.35
1	Thu từ DNNN Trung ương	38,000	41,831	110.08	81.59
	Trong đó: Điều tiết ngân sách Trung ương	-	-	-	-
2	Thu từ các DNNN địa phương	63,000	129,505	205.56	183.04
3	Thu từ DN có vốn ĐTN	1,000	5,281	528.10	112.70
4	Thuế CTN ngoài quốc doanh	312,400	327,637	104.88	107.77
5	Thu lệ phí trước bạ	30,000	40,087	133.62	132.15
6	Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp	600	624	104.00	82.43
7	Thuế nhà đất	5,000	5,476	109.52	102.97
8	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	-	3	-	0.53
9	Thu tiền sử dụng đất	27,000	59,096	218.87	140.31
10	Thu tiền cho thuê đất	2,000	3,017	150.85	101.62
11	Thuế thu nhập cá nhân	52,000	56,729	109.09	123.58
12	Thu phí và lệ phí	9,500	15,850	166.84	145.17
	Trong đó : Phí & lệ phí của Trung ương	1,000	5,472	-	141.36
13	Thu KHCN, tiền thuê nhà ở thuộc SHNN	-	312	-	28.42
14	Thu tiền bán nhà thuộc SHNN	5,000	5,551	111.02	38.81
15	Thu khác ngân sách	10,000	10,719	107.19	64.05
	Trong đó: ngân sách Trung ương	-	27	-	-
16	Thu khác tại xã	2,500	3,660	146.40	117.16
17	Thu phí xăng dầu	72,000	69,036	95.88	96.66
II	Thu hồi các khoản chi năm trước:	-	6,773	-	-
	Trong đó: ngân sách Trung ương	-	-	-	-
III	Thu phạt vi phạm an toàn giao thông	-	15,392	-	-
IV	Thu thủy lợi phí	-	-	-	-
V	Thu viện trợ không hoàn lại:	-	-	-	-
VI	Thu vay đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng:	-	-	-	-
VII	Thu kết dư ngân sách năm trước:	-	214,695	-	51.34
VIII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	1,102,860	1,357,859	123.12	107.35
IX	Thu chuyển nguồn:	44,077	570,142	1,293.51	471.15
X	Thu huy động đầu tư theo K3 Điều 8 Luật NSNN	-	30,000	-	-
B	THU ĐỂ LẠI CHI QUẢN LÝ QUA NSNN :	340,000	542,222	159.48	83.45
1	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết:	240,000	390,003	162.50	105.67
2	Thu từ nguồn phí, lệ phí:	100,000	152,219	152.22	111.98
	- Học phí	-	22,935	-	-
	- Viện phí	-	106,568	-	-
	- Thu các khoản huy động, đóng góp tự nguyện XDCSHT	-	2,844	-	-
	- Phí và lệ phí	-	8,990	-	-
	- Thu khác	-	10,882	-	-
3	Thu kết dư ngân sách năm trước (vốn xổ số kiến thiết)	-	-	-	-
C	THU TÍN PHIẾU, TRÁI PHIẾU KBNN (NSTW)	-	-	-	-

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



Phụ lục số 02
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2010 TỈNH BẠC LIÊU
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **06** /2013/NQ-HĐND
ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NGHỊ QUYẾT HĐND	QUYẾT TOÁN NĂM 2010	SO SÁNH (%)	
				QT/KH	QT NĂM 2009
1	2	3	4	5=4/3	6
	TỔNG QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	2,115,937	3,232,504	152.77	108.09
A	TỔNG CHI NSĐP TRONG KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH :	1,775,937	2,684,010	151.13	110.45
I	Chi đầu tư phát triển:	164,402	353,587	215.07	94.97
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	162,502	351,773	216.47	94.76
2	Chi hỗ trợ vốn DNNN	1,900	1,814		
II	Chi thường xuyên:	1,221,801	1,352,885	110.73	121.25
1	Chi trợ giá mặt hàng chính sách	5,785	3,109	53.74	45.75
2	Chi SN kinh tế	96,285	94,103	97.73	112.73
3	Chi SN giáo dục - đào tạo	530,468	577,870	108.94	116.15
4	Chi SN y tế	175,835	112,163	63.79	120.02
5	Chi SN văn hóa - thể thao và du lịch	13,409	22,633	168.79	128.14
6	Chi SN phát thanh - truyền hình	7,730	10,639	137.63	118.67
7	Chi SN khoa học - công nghệ	12,338	10,216	82.80	135.17
8	Chi SN môi trường	13,490	12,017	89.08	117.71
9	Chi đảm bảo xã hội	31,122	84,687	272.11	157.30
10	Chi quản lý hành chính	185,413	252,893	136.39	134.92
11	Chi an ninh - quốc phòng	17,948	29,350	163.53	118.65
12	Chi khác ngân sách	9,884	17,837	180.46	183.66
13	Chi ngân sách xã	89,154	125,368	140.62	109.60
14	Dự phòng ngân sách	32,940	-	-	-
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau:	-	527,855	-	102.18
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	1,000	1,000	100.00	100.00
V	Chi chương trình mục tiêu và TW hỗ trợ có mục tiêu	376,391	434,388	115.41	105.40
VI	Chi từ thu phạt vi phạm hành chính lĩnh vực ATGT:	-	14,295	-	117.26
	- Chi khác ngân sách		12,311		126.50
	- Chi sự nghiệp kinh tế		1,984		80.68
VII	Chi tạo nguồn làm lương:	12,343	-	-	-
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NSNN:	340,000	548,494	161.32	97.84
1	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	240,000	285,949	119.15	-
	Trong đó: Chi trả nợ gốc và lãi vay (CT 132)		25,000	-	-
	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí	100,000	149,016	149.02	111.86
	- Chi sự nghiệp kinh tế	-	3,306	-	95.19
	- Chi sự nghiệp y tế	-	113,260	-	122.33
2	- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-	28,424	-	85.99
	- Chi Quản lý hành chính	-	3,737	-	204.21
	- Chi sự nghiệp văn hóa	-	20	-	-
	- Chi khác	-	269	-	23.23
3	Chi chuyển nguồn vốn xổ số kiến thiết	-	113,529	-	-
4	Chi cấp vốn điều lệ thành lập Quỹ đầu tư phát triển của Công ty XSKT Minh Hải tỉnh Bạc Liêu			-	-